

**BIỂU THU THẬP THÔNG TIN CẤP TỈNH, HUYỆN, XÃ VỀ THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA NCT GIAI ĐOẠN 2014-2020**  
(Ban hành kèm theo BC số 135/BC-SLĐTBXH ngày 06/8/2020)

<b>ST T</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Cấp xã</b>
1	Số lượng văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình	72	156	916
2	Số lượng tờ gấp tuyên truyền chính sách chương trình NCT	2.500	5.240	0
3	Số lượng buổi phát thanh tuyên truyền chính sách chương trình NCT	144	936	18.800
4	Số lượng buổi truyền hình tuyên truyền chính sách chương trình NCT	72	936	
5	Số lượng buổi nói chuyện chuyên đề về NCT	12	78	1.500
6	Có văn bản phối hợp liên ngành thực hiện CT NCT	7		
7	Số lượng cán bộ, cộng tác viên làm công tác NCT	100	39	786
8	Số lượng tổ chức cung cấp dịch vụ đối với NCT	2		
9	Số lượng nhân lực cung cấp dịch vụ đối với NCT	100	39	1.300
10	Số lượng cuộc kiểm tra, giám sát công tác NCT	26	91	
11	Kinh phí thực hiện công tác NCT ( 1000 đồng) (= 12+13)	<b>86.058.000</b>	<b>12.350.000</b>	<b>78.600.000</b>
12	Ngân sách chi cho công tác NCT	58.558.000	4.550.000	
13	Kinh phí huy từ các tổ chức, DN, động cộng đồng trong nước ( 1000 đồng)	27.500.000	7.800.000	78.600.000
14	Kinh phí huy động từ các tổ chức quốc tế (1000 đồng)			
	<b>ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU CHUNG</b>		<b>SL</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
15	Số lượng, tỷ lệ NCT tham gia hoạt động kinh tế		124.656	60,88
16	Số lượng NCT làm chủ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh		1.314	0,64
17	Số lượng, tỷ lệ NCT được hỗ trợ hoạt động SXKD		3.461	1,69
18	Số lượng, tỷ lệ NCT có Trợ cấp NCC		27.865	13,60
19	Số lượng, tỷ lệ NCT được trợ cấp xã hội		41.176	20,11
20	Số lượng, tỷ lệ NCT có lương hưu, trợ cấp BHXH		46.219	22,57
21	Số lượng, tỷ lệ NCT có trợ cấp NCC, trợ cấp xã hội, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội		115.260	56,29
22	Số lượng, tỷ lệ NCT có thẻ bảo hiểm y tế		193.046	95,2
23	Số lượng, tỷ lệ NCT thuộc diện nghèo		16.749	8,18
24	Số lượng, tỷ lệ NCT thuộc diện cần hỗ trợ nhà ở		6.500	3,18
25	Số lượng, tỷ lệ NCT được hỗ trợ nhà ở trên tổng số NCT thuộc diện cần hỗ trợ nhà ở		6.500	3,18
26	Số lượng, tỷ lệ NCT cần có người chăm sóc hàng ngày		42.882	20,94
27	Số lượng, tỷ lệ NCT được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội		150	0,07
28	Số lượng mô hình chăm sóc và phát huy vai trò NCT dựa vào cộng đồng		205	94,91
29	Số lượng, tỷ lệ NCT tham gia mô hình chăm sóc và phát huy vai trò NCT dựa vào cộng đồng		61.500	30,03
30	Số lượng lượt, tỷ lệ cán bộ, cộng tác viên làm công tác NCT được đào tạo nâng cao năng lực		1.500	

## TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

<i><b>STT</b></i>	<i><b>Nội dung</b></i>	<i><b>Yếu</b></i>	<i><b>Bình thường</b></i>	<i><b>Tốt</b></i>	<i><b>Rất tốt</b></i>
1	Phát huy vai trò NCT			x	
2	Chăm sóc sức khỏe			x	
3	Chăm sóc đời sống văn hóa, tinh thần			x	
4	Chăm sóc đời sống vật chất			x	
5	Xây dựng và nhân rộng mô hình chăm sóc và phát huy vai trò NCT dựa vào cộng đồng			x	
6	Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về vấn đề NCT			x	
7	Công tác NCT được đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, cộng tác viên			x	
8	Công tác huy động nguồn lực			x	
9	Công tác phối kết hợp giữa các cơ quan, tổ chức			x	
10	Công tác xây dựng văn bản, chỉ đạo điều hành			x	
11	Đánh giá chung về kết quả thực hiện chương trình hành động NCT			x	